

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1495/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-KTNN ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý của Kiểm toán nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, công chức, viên chức của Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Kiểm toán nhà nước;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT, PC (02).

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Ngô Văn Tuấn

**QUY CHẾ**

Tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1495/QĐ-KTNN ngày 20 tháng 8 năm 2024
của Tổng Kiểm toán nhà nước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán nhà nước (sau đây gọi là Đoàn kiểm toán) quy định về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm toán, mối quan hệ công tác, lề lối làm việc của Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, các thành viên Đoàn kiểm toán và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Đoàn kiểm toán được thành lập theo quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn kiểm toán

- Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.
- Trung thực, khách quan, công khai, minh bạch.
- Trong hoạt động kiểm toán, các thành viên của Đoàn kiểm toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải tuân thủ Luật Kiểm toán nhà nước, quy định của cấp có thẩm quyền về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và quy định của Kiểm toán nhà nước.
- Khi tiến hành kiểm toán ở nước ngoài, Đoàn kiểm toán phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại và luật pháp quốc tế; tuân thủ nguyên tắc: tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo an ninh quốc phòng và bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hạn kiểm toán

- Thời hạn của cuộc kiểm toán được tính từ ngày công bố quyết định kiểm toán đến khi kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán.
- Thời hạn của một cuộc kiểm toán không quá 60 ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp phức tạp, cần thiết kéo dài thời hạn kiểm toán thì Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định gia hạn một lần, thời gian gia hạn không quá 30 ngày.

3. Đối với cuộc kiểm toán để đánh giá tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài chính công, tài sản công có quy mô toàn quốc, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định thời hạn cuộc kiểm toán.

Điều 5. Địa điểm kiểm toán

1. Việc kiểm toán được thực hiện tại đơn vị được kiểm toán, trụ sở Kiểm toán nhà nước hoặc tại địa điểm khác do Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

2. Địa điểm kiểm toán do Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đề xuất và trình Tổng Kiểm toán nhà nước phê duyệt khi xét duyệt kế hoạch kiểm toán tổng quát của cuộc kiểm toán.

3. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, trường hợp cần thiết phải thay đổi địa điểm kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán đề xuất Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định.

4. Trường hợp kiểm tra, đối chiếu với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có thể được thực hiện tại trụ sở đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán; trụ sở đơn vị được kiểm toán; trụ sở cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được kiểm tra, đối chiếu hoặc địa điểm khác có liên quan đến nội dung kiểm tra, đối chiếu.

Điều 6. Bảo đảm hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán tạo điều kiện để tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên sinh hoạt theo Điều lệ và kế hoạch của các tổ chức này.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiểm toán

1. Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ dưới mọi hình thức, mua chuộc người có trách nhiệm, chức vụ, quyền hạn hoặc người có liên quan nhằm giảm nhẹ, trốn tránh trách nhiệm cho đối tượng vi phạm.

2. Cung cấp, tiết lộ thông tin, tài liệu, hồ sơ của đơn vị được kiểm toán và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán (sau đây gọi là đơn vị được kiểm toán) cho tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền, trách nhiệm, nhất là thông tin, tài liệu, hồ sơ đang trong quá trình kiểm toán; tiết lộ thông tin về tình hình và kết quả kiểm toán chưa được công bố chính thức.

3. Nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác hoặc lợi ích phi vật chất, tham gia hoạt động vui chơi, giải trí của đơn vị được kiểm toán hoặc người có liên quan đến đơn vị được kiểm toán.

4. Lợi dụng các mối quan hệ thân quen hoặc sử dụng lợi thế, vị trí công tác, uy tín của mình, người khác để tác động, tranh thủ, gây sức ép với đơn vị được kiểm toán hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm trục lợi hoặc động cơ cá nhân khác.

5. Lợi dụng việc nắm được thông tin nội bộ hoặc thông tin bất lợi của tổ chức, cá nhân để đặt điều kiện, gây sức ép đối với đơn vị được kiểm toán, người có thẩm quyền, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nhằm trục lợi hoặc động cơ cá nhân khác.

6. Để người có quan hệ gia đình lợi dụng ảnh hưởng chức vụ, quyền hạn của mình nhằm thao túng, can thiệp vào việc kiểm toán.

7. Đưa ý đồ cá nhân, đề ra tiêu chí, điều kiện, nhận xét, đánh giá mang tính áp đặt, không đúng bản chất, không đúng sự thật để có lợi hoặc gây bất lợi cho đơn vị được kiểm toán.

8. Báo cáo sai lệch, không đầy đủ kết quả kiểm toán; đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị không đúng sự thật hoặc làm giả, làm sai lệch nội dung hồ sơ, bản chất vụ việc, vi phạm của đơn vị được kiểm toán.

9. Thoả thuận, đặt điều kiện với đơn vị được kiểm toán hoặc người có liên quan đến đơn vị được kiểm toán; thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định để làm thay đổi, sai lệch kết quả, kết luận kiểm toán.

10. Không kiến nghị, đề xuất chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm; không kiến nghị hoặc chỉ đạo, xử lý thu hồi vật chất, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền đối với các vi phạm khi tiến hành kiểm toán.

11. Chỉ đạo hoặc cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, chưa được phép công bố hoặc không thực hiện đúng kết luận, kiến nghị kiểm toán.

12. Gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi không đúng quy định với đơn vị được kiểm toán; sử dụng các tài liệu, hồ sơ kiểm toán không đúng mục đích.

13. Bao che, tiếp tay, trì hoãn hoặc không kết luận, không xử lý hoặc kết luận, xử lý không đúng nội dung, tính chất, mức độ vi phạm hoặc không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định đối với tổ chức, cá nhân vi phạm.

14. Thực hiện nhiệm vụ kiểm toán vượt thẩm quyền; không đúng quy trình kiểm toán, phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian theo quy định; cản trở, can thiệp trái quy định vào việc kiểm toán.

15. Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật nghề nghiệp, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà, có thái độ áp đặt, thiếu tôn trọng, không đúng quy định của ngành, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm toán.

16. Không xử lý hoặc không báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định khi nhận được thông tin, đơn, thư phản ánh, tố cáo đơn vị được kiểm toán.

17. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi hoặc dùng uy tín, ảnh hưởng của bản thân và gia đình để gợi ý, tác động, gây áp lực đối với người có thẩm quyền quyết định hoặc tham mưu về các kết luận kiểm toán không đúng bản chất sự việc.

18. Tác động đến người có thẩm quyền nhằm giúp cho đơn vị được kiểm toán có được kết quả, quyền lợi không chính đáng ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân.

19. Trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ đơn vị được kiểm toán thực hiện các hành vi nhằm trốn tránh, giảm nhẹ trách nhiệm.

20. Không kịp thời thay đổi thành viên Đoàn kiểm toán khi có căn cứ xác định thành viên Đoàn kiểm toán không vô tư, khách quan trong công tác; không kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của Đoàn kiểm toán.

21. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật và cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Trường hợp không được bố trí tham gia Đoàn kiểm toán

1. Các trường hợp không được bố trí tham gia Đoàn kiểm toán

a) Mua cổ phần, góp vốn hoặc có quyền, lợi ích liên quan với đơn vị được kiểm toán;

b) Đã từng giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán tại đơn vị được kiểm toán của các năm tài chính được kiểm toán;

c) Trong thời hạn ít nhất là 05 năm, kể từ khi thôi giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán tại đơn vị được kiểm toán;

d) Có quan hệ là vợ (chồng); bố, mẹ, người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc bố, mẹ, người trực tiếp nuôi dưỡng vợ (chồng); con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ (chồng) theo quy định của pháp luật với đơn vị được kiểm toán hoặc cùng là thành viên Đoàn kiểm toán;

đ) Đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật, bị kỷ luật hoặc bị mất, bị thu hồi thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

e) Không đủ điều kiện phẩm chất, năng lực tham gia Đoàn kiểm toán;

g) Không đủ thời gian làm việc quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy chế này.

2. Khi có các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Đoàn kiểm toán có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán bằng văn bản trước khi trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán. Trong quá trình thực hiện kiểm toán nếu phát hiện các tình huống làm ảnh hưởng đến tính độc lập của mình, thành viên Đoàn kiểm toán phải báo cáo ngay Trưởng Đoàn kiểm toán để báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định thay thế theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

3. Thủ trưởng đơn vị đề xuất nhân sự tham gia Đoàn kiểm toán có trách nhiệm kiểm tra, rà soát để phát hiện trường hợp không được bố trí làm thành viên Đoàn kiểm toán quy định tại khoản 1 Điều này trước khi trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán. Trường hợp đặc biệt, Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA ĐOÀN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Thành lập và giải thể Đoàn kiểm toán

1. Đoàn kiểm toán được thành lập để thực hiện nhiệm vụ kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định thành lập Đoàn kiểm toán theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và Vụ trưởng Vụ Tổng hợp. Căn cứ vào quy mô cuộc kiểm toán, Đoàn kiểm toán có Tổ kiểm toán hoặc không có Tổ kiểm toán. Trường hợp đặc biệt, Tổng Kiểm toán nhà nước thành lập Đoàn kiểm toán theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp để thực hiện nhiệm vụ.

2. Đoàn kiểm toán tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán. Nhưng Đoàn kiểm toán phải chịu trách nhiệm về những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

Điều 10. Thành phần Đoàn kiểm toán

1. Thành phần Đoàn kiểm toán gồm:

- a) Trưởng Đoàn kiểm toán;
- b) Các Phó trưởng Đoàn kiểm toán;
- c) Các Tổ trưởng Tổ kiểm toán, nếu Đoàn kiểm toán có Tổ kiểm toán;
- d) Các thành viên.

2. Thành viên Đoàn kiểm toán gồm: thành viên là Kiểm toán viên nhà nước và thành viên không phải Kiểm toán viên nhà nước.

Thành viên Đoàn kiểm toán không phải Kiểm toán viên nhà nước gồm:

- a) Công chức, viên chức của Kiểm toán nhà nước;
- b) Cộng tác viên Kiểm toán nhà nước.

3. Mỗi Tổ kiểm toán phải có từ 02 thành viên là Kiểm toán viên nhà nước trở lên.

Điều 11. Tiêu chuẩn Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán và Tổ trưởng Tổ kiểm toán

1. Tiêu chuẩn của Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán

a) Có đủ trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác phù hợp với nhiệm vụ được giao;

b) Là Kiểm toán viên chính giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng trở lên hoặc Kiểm toán viên giữ chức vụ từ Trưởng phòng trở lên.

2. Tiêu chuẩn của Tổ trưởng Tổ kiểm toán

- a) Có đủ trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo và kinh nghiệm công tác phù hợp với nhiệm vụ được giao;
- b) Là Kiểm toán viên chính hoặc Kiểm toán viên giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng trở lên.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Đoàn kiểm toán

1. Nhiệm vụ

- a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo quyết định kiểm toán;
 - b) Chỉ đạo việc xây dựng và duyệt kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán (bao gồm cả kế hoạch kiểm tra, đối chiếu tại cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán) phù hợp với mục tiêu, nội dung, phạm vi đã được Tổng Kiểm toán nhà nước phê duyệt tại kế hoạch kiểm toán tổng quát của cuộc kiểm toán;
 - c) Phân công nhiệm vụ cho Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán; chỉ đạo, điều hành Đoàn kiểm toán thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
 - d) Tổ chức, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, chuẩn mực kiểm toán, quy trình, phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán, ghi chép, lưu trữ, bảo quản hồ sơ kiểm toán và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, soát xét của Trưởng Đoàn kiểm toán theo quy định của Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;
 - đ) Kiểm tra, kiểm soát nhật ký kiểm toán, hồ sơ kiểm toán của Đoàn kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước;
 - e) Chỉ đạo các thành viên Đoàn kiểm toán hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán, sắp xếp, số hóa, tạo lập hồ sơ kiểm toán trên phần mềm, nộp hồ sơ lưu trữ của Đoàn kiểm toán theo quy định;
 - g) Duyệt biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán; quyết định thời gian thông qua biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán; lập báo cáo kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Tổ chức thảo luận trong Đoàn kiểm toán về những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán.
- Báo cáo, giải trình kết quả kiểm toán trước Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và cùng Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán báo cáo, giải trình kết quả đó trước Tổng Kiểm toán nhà nước; báo cáo, giải trình kết quả kiểm toán đột xuất khi Tổng Kiểm toán nhà nước yêu cầu; tổ chức thông báo kết quả kiểm toán đã được Tổng Kiểm toán nhà nước thông qua với đơn vị được kiểm toán; ký vào báo cáo kiểm toán;
- h) Quản lý các thành viên Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

i) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán hoặc Tổng Kiểm toán nhà nước về tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình và kết quả hoạt động kiểm toán;

k) Chấp hành kỷ luật công tác của Đoàn kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

2. Quyền hạn

a) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; yêu cầu kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ của đơn vị được kiểm toán liên quan đến nội dung kiểm toán;

b) Đề nghị đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm toán để thu thập bằng chứng kiểm toán;

c) Đề nghị Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán kiến nghị Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định kiểm tra tài khoản của đơn vị được kiểm toán có liên quan đến hoạt động kiểm toán tại các tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc nhà nước theo quy định của pháp luật; niêm phong tài liệu của đơn vị được kiểm toán khi có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có hành vi sửa đổi, chuyển dời, cất giấu, tiêu hủy tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán;

d) Yêu cầu Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán và các thành viên Đoàn kiểm toán báo cáo kết quả kiểm toán; khi có ý kiến khác nhau trong Đoàn kiểm toán về kết quả kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán được quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đồng thời báo cáo ý kiến khác nhau đó với Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán;

đ) Bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán;

e) Báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đề nghị Tổng Kiểm toán nhà nước kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật của đơn vị được kiểm toán;

g) Tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn kiểm toán từ Tổ trưởng Tổ kiểm toán trở xuống theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quy chế này;

h) Đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán và các thành viên Đoàn kiểm toán có thành tích đột xuất hoặc có sai phạm trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

i) Được bảo đảm điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành hoạt động kiểm toán có hiệu quả;

k) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

l) Khi thực hiện kiểm toán, được quyền truy cập, khai thác hoặc ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật cho thành viên Đoàn kiểm toán truy cập, khai thác trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và dữ liệu điện tử của đơn vị được kiểm toán để thu thập thông tin, tài liệu liên quan trực tiếp đến nội dung,

phạm vi kiểm toán dưới sự giám sát về phạm vi truy cập, khai thác của đơn vị được kiểm toán; việc truy cập dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật, bảo mật, an toàn theo quy định của pháp luật;

m) Trên cơ sở yêu cầu thực tế phát sinh trong quá trình kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán đề xuất nhu cầu sử dụng và dự toán kinh phí cộng tác viên Kiểm toán nhà nước báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán theo quy định để trình Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định;

n) Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước theo quy định của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước.

3. Trách nhiệm

a) Chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và Tổng Kiểm toán nhà nước về hoạt động của Đoàn kiểm toán;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị trong báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán và thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;

c) Chịu trách nhiệm về ý kiến bảo lưu của mình trước Tổng Kiểm toán nhà nước;

d) Chịu trách nhiệm liên đới về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm toán của thành viên Đoàn kiểm toán; chịu trách nhiệm chính khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong Đoàn kiểm toán khi thực hiện nhiệm vụ kiểm toán; chịu trách nhiệm về quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ từ Tổ trưởng Tổ kiểm toán trở xuống;

đ) Chịu trách nhiệm về việc lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm liên đới đối với sai phạm trong việc lập biên bản vi phạm hành chính của Kiểm toán viên nhà nước, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán;

e) Bảo đảm điều kiện sinh hoạt và làm việc của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

g) Chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật hồ sơ, tài liệu và kết quả kiểm toán khi chưa được công khai;

h) Ghi nhật ký công tác và các tài liệu làm việc theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

i) Khi thực hiện nhiệm vụ phải mặc trang phục ngành kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước, xuất trình và đeo thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

k) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Tổng Kiểm toán nhà nước khi có trường hợp vi phạm các quy định tại Điều 7 và quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

l) Thực hiện nghiêm Quy chế này, Quy tắc ứng xử của Kiểm toán viên nhà nước và các quy định khác của Kiểm toán nhà nước;

m) Báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trao đổi với Thủ trưởng đơn vị có thành viên tham gia Đoàn kiểm toán vi phạm hoặc không thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao;

n) Báo cáo theo yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và Tổng Kiểm toán nhà nước về kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

o) Khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

p) Chấp hành quyết định thanh tra, kiểm soát của cấp có thẩm quyền. Tuân thủ sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của Tổng Kiểm toán nhà nước, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách và Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán;

q) Nhận xét, đánh giá, chấm điểm, xếp loại chất lượng thành viên Đoàn kiểm toán sau khi kết thúc cuộc kiểm toán gửi Thủ trưởng đơn vị có thành viên tham gia Đoàn kiểm toán làm cơ sở bình xét thi đua và tham khảo để đánh giá công chức, viên chức;

r) Khi thực hiện kiểm toán ở nước ngoài hoặc phải kiểm tra, đối chiếu nội dung kiểm toán ở nước ngoài, có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đề xuất Tổng Kiểm toán nhà nước (qua Vụ Hợp tác quốc tế) để liên hệ với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại phối hợp, giúp đỡ;

s) Báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán về việc xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước của đơn vị được kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước;

t) Tham gia cùng các thành viên Đoàn kiểm toán nghiên cứu tài liệu, dự thảo văn bản về nội dung kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện của đơn vị được kiểm toán và báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Phó trưởng Đoàn kiểm toán

1. Giúp Trưởng Đoàn kiểm toán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng Đoàn kiểm toán và chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn kiểm toán về nhiệm vụ được phân công và trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp kiêm nhiệm Tổ trưởng Tổ kiểm toán, ngoài việc tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này, phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

3. Chịu trách nhiệm về việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm liên đới đối với sai phạm trong việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước của Kiểm toán viên nhà nước, Tổ trưởng Tổ kiểm toán được phân công phụ trách.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ kiểm toán

1. Nhiệm vụ

a) Lập kế hoạch kiểm toán chi tiết trình Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm toán chi tiết sau khi đã được phê duyệt;

b) Chỉ đạo, điều hành các thành viên Tổ kiểm toán thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán chi tiết đã được phê duyệt;

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc thu thập bằng chứng kiểm toán; ghi chép nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc của Tổ kiểm toán và thành viên Tổ kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước; ký duyệt nhật ký kiểm toán, biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của thành viên Tổ kiểm toán;

d) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc người có thẩm quyền về tiến độ thực hiện, tình hình và kết quả kiểm toán;

đ) Tổng hợp kết quả kiểm toán, lập dự thảo biên bản kiểm toán; tổ chức thảo luận trong Tổ kiểm toán về những đánh giá, xác nhận trong dự thảo biên bản kiểm toán trước khi báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán và thông qua với đơn vị được kiểm toán;

e) Bảo vệ kết quả kiểm toán ghi trong biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán trước Trưởng Đoàn kiểm toán; tổ chức thông qua dự thảo biên bản kiểm toán với đơn vị được kiểm toán sau khi được Trưởng Đoàn kiểm toán duyệt; ký biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán; căn cứ báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán đã được phát hành, Tổ trưởng Tổ kiểm toán lập thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo sự phân công trình Trưởng Đoàn kiểm toán soát xét để trình Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán ký phát hành, thời gian phát hành chậm nhất 10 ngày sau khi báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán được phát hành;

g) Chỉ đạo các thành viên Tổ kiểm toán hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán, hoàn thành việc số hóa, tạo lập hồ sơ kiểm toán của Tổ kiểm toán trên phần mềm và chịu trách nhiệm về việc nộp hồ sơ của Tổ kiểm toán cho Đoàn kiểm toán để nộp lưu trữ theo quy định;

h) Quản lý các thành viên Tổ kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán, thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử của Kiểm toán viên nhà nước theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

i) Chấp hành kỷ luật công tác của Đoàn kiểm toán, Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

k) Kiểm tra, hướng dẫn các thành viên Tổ kiểm toán, kiểm soát chất lượng kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

l) Lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước theo quy định của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước.

2. Quyền hạn

a) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ cho việc kiểm toán và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán; được truy cập, khai thác trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và dữ liệu điện tử của đơn vị được kiểm toán để thu thập thông tin, tài liệu liên quan trực tiếp đến nội dung, phạm vi kiểm toán dưới sự giám sát về phạm vi truy cập, khai thác của đơn vị được kiểm toán theo ủy quyền bằng văn bản của Trưởng Đoàn kiểm toán; việc truy cập dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật, bảo mật, an toàn theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc kiểm tra, đối chiếu các nội dung liên quan trực tiếp đến nội dung, phạm vi kiểm toán của đơn vị được kiểm toán tại các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán trong kế hoạch kiểm toán được phê duyệt;

c) Báo cáo và kiến nghị biện pháp xử lý thành viên Tổ kiểm toán có sai phạm để Trưởng Đoàn kiểm toán xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Bảo lưu bằng văn bản ý kiến của mình khác với đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị (trong phạm vi công việc có liên quan) trong biên bản kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;

đ) Sử dụng thông tin, tài liệu của cộng tác viên Kiểm toán nhà nước; xem xét tài liệu liên quan đến hoạt động của đơn vị được kiểm toán; thu thập, bảo vệ tài liệu và bằng chứng khác; xem xét quy trình hoạt động của đơn vị được kiểm toán;

e) Đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán làm rõ lý do thay đổi đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị (trong phạm vi công việc có liên quan) trong biên bản kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;

g) Được bảo đảm điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành kiểm toán có hiệu quả; trường hợp phải làm việc ngoài giờ hành chính với đơn vị được kiểm toán tại địa điểm trong kế hoạch kiểm toán được phê duyệt để bảo đảm tiến độ kiểm toán và được đồng thuận của đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán quyết định nhưng phải báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán

đồng thời phản ánh tại biên bản họp Tổ kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

h) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán;

i) Đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán tạm đình chỉ nhiệm vụ thành viên Tổ kiểm toán theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quy chế này;

k) Trên cơ sở yêu cầu thực tế phát sinh trong quá trình kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán đề xuất nhu cầu sử dụng và dự toán kinh phí cộng tác viên Kiểm toán nhà nước báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

3. Trách nhiệm

a) Chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn kiểm toán về hoạt động của Tổ kiểm toán;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, trung thực, khách quan của đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị (trong phạm vi công việc có liên quan) trong biên bản kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;

c) Giải trình các vấn đề có liên quan đến công tác của Tổ kiểm toán theo yêu cầu của Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm liên đới về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kiểm toán của thành viên Tổ kiểm toán; chịu trách nhiệm về việc đề nghị tạm đình chỉ thành viên Tổ kiểm toán;

đ) Chịu trách nhiệm về ý kiến bảo lưu của mình, kết quả kiểm toán của thành viên không phải Kiểm toán viên nhà nước trong Tổ kiểm toán;

e) Giữ bí mật về tình hình và kết quả kiểm toán, hồ sơ, tài liệu có liên quan khi chưa được công khai; việc truy cập dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật, bảo mật, an toàn theo quy định của pháp luật;

g) Thu thập bằng chứng kiểm toán, ghi nhật ký kiểm toán và các tài liệu làm việc theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

h) Chịu trách nhiệm về việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm liên đới đối với sai phạm trong việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước của các Kiểm toán viên nhà nước trong Tổ kiểm toán;

i) Khi thực hiện nhiệm vụ phải mặc trang phục ngành kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước, xuất trình và đeo thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

k) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Trưởng Đoàn kiểm toán đồng thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán khi phát hiện có trường hợp vi

phạm các quy định tại Điều 7 và quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

l) Thực hiện nghiêm Quy chế này, Quy tắc ứng xử của Kiểm toán viên nhà nước và các quy định khác của Kiểm toán nhà nước;

m) Khi có hành vi vi phạm pháp luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

n) Báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước của đơn vị được kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước;

o) Tham gia cùng thành viên Tổ kiểm toán nghiên cứu tài liệu, dự thảo văn bản về nội dung kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện của đơn vị được kiểm toán và báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Đoàn kiểm toán là Kiểm toán viên nhà nước

1. Nhiệm vụ

a) Chấp hành sự phân công, hoàn thành nhiệm vụ kiểm toán và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm toán với Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán;

b) Khi tiến hành kiểm toán phải tuân theo pháp luật; tuân thủ nguyên tắc, chuẩn mực, quy trình kiểm toán và các quy định của Kiểm toán nhà nước để đảm bảo đưa ra các kết luận, kiến nghị khả thi, đúng quy định của pháp luật;

c) Thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán; ghi nhật ký kiểm toán và tài liệu làm việc theo quy định của Kiểm toán nhà nước; lưu giữ, bảo quản hồ sơ kiểm toán theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia lập kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán, lập biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên và tổng hợp kết quả kiểm toán để lập biên bản kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Tổ kiểm toán; tham gia hoàn chỉnh hồ sơ kiểm toán, sắp xếp, số hóa, tạo lập hồ sơ của Tổ kiểm toán để lưu trữ theo quy định;

đ) Chấp hành ý kiến chỉ đạo và kết luận của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán;

e) Chấp hành kỷ luật công tác của Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán, Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

g) Lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước theo quy định của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước.

2. Quyền hạn

a) Khi thực hiện kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước có quyền độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;

b) Yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm toán;

c) Sử dụng thông tin, tài liệu của cộng tác viên Kiểm toán nhà nước; xem xét tài liệu liên quan đến hoạt động của đơn vị được kiểm toán; thu thập, bảo vệ tài liệu và bằng chứng khác; xem xét quy trình hoạt động của đơn vị được kiểm toán.

Khi thực hiện kiểm toán, được quyền truy cập, khai thác trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và dữ liệu điện tử của đơn vị được kiểm toán để thu thập thông tin, tài liệu liên quan trực tiếp đến nội dung, phạm vi kiểm toán dưới sự giám sát về phạm vi truy cập, khai thác của đơn vị được kiểm toán theo ủy quyền bằng văn bản của Trưởng Đoàn kiểm toán; việc truy cập dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật, bảo mật, an toàn theo quy định của pháp luật;

d) Bảo lưu ý kiến bằng văn bản về kết quả kiểm toán trong phạm vi được phân công và báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán; trường hợp không thống nhất thì báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán; trường hợp Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán không thống nhất thì báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước;

đ) Đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán làm rõ lý do thay đổi những đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị của mình trong biên bản kiểm toán, báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước;

e) Đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán yêu cầu đơn vị được kiểm toán giải trình về những vấn đề liên quan đến việc kiểm toán; đề nghị mời chuyên gia, cộng tác viên Kiểm toán nhà nước khi cần thiết theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

g) Được bảo đảm điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành kiểm toán có hiệu quả;

h) Được pháp luật bảo vệ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

3. Trách nhiệm

a) Thực hiện nhiệm vụ kiểm toán và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được phân công; đưa ra và chịu trách nhiệm về ý kiến đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về những nội dung đã kiểm toán;

b) Tuân thủ pháp luật, nguyên tắc hoạt động, chuẩn mực, quy trình, phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán và các quy định khác có liên quan của Kiểm toán nhà nước;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đúng đắn của các đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị kiểm toán;

d) Chịu trách nhiệm về việc lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước theo thẩm quyền;

đ) Thu thập bằng chứng kiểm toán, ghi nhận và lưu giữ tài liệu làm việc của thành viên Đoàn kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước;

e) Giữ bí mật thông tin, tài liệu thu thập được trong quá trình kiểm toán; việc truy cập dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bảo vệ bí mật, bảo mật, an toàn theo quy định của pháp luật;

g) Khi thực hiện nhiệm vụ phải mặc trang phục ngành kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước, xuất trình và đeo thẻ Kiểm toán viên nhà nước;

h) Chịu trách nhiệm về ý kiến bảo lưu của mình trước Tổng Kiểm toán nhà nước, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán và Tổ trưởng Tổ kiểm toán;

i) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Tổ trưởng Tổ kiểm toán và Trưởng Đoàn kiểm toán khi phát hiện có trường hợp vi phạm các quy định tại Điều 7 và quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và các tình huống khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

k) Thực hiện nghiêm Quy chế này, Quy tắc ứng xử của Kiểm toán viên nhà nước và các quy định khác của Kiểm toán nhà nước;

l) Thực hiện đúng quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán của Đoàn kiểm toán và kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán đã được phê duyệt;

m) Khi có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

n) Báo cáo Tổ trưởng Tổ kiểm toán bằng văn bản về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước của đơn vị được kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Xử lý vi phạm hành chính và Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán nhà nước;

o) Nghiên cứu tài liệu, dự thảo văn bản về nội dung kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện của đơn vị được kiểm toán và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Đoàn kiểm toán không phải Kiểm toán viên nhà nước

1. Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán.

2. Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực, quy trình và phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

3. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán về nhiệm vụ được giao.

4. Ghi nhật ký kiểm toán và tài liệu làm việc theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

5. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Tổ trưởng Tổ kiểm toán và Trưởng Đoàn kiểm toán khi phát hiện có trường hợp vi phạm các quy định tại Điều 7 và quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

6. Đối với cộng tác viên Kiểm toán nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và Quy chế sử dụng cộng tác viên Kiểm toán nhà nước.

Điều 17. Thay thế, bổ sung thành viên Đoàn kiểm toán

1. Thành viên Đoàn kiểm toán bị thay thế trong các trường hợp sau:

a) Thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và các trường hợp khác làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Kiểm toán viên nhà nước;

b) Khi có bằng chứng cho thấy thành viên Đoàn kiểm toán vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế này. Đối với trường hợp này, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh làm rõ trước khi quyết định và chịu trách nhiệm với quyết định của mình;

c) Nghỉ liên tục từ 03 ngày làm việc trở lên hoặc quá số ngày quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy chế này;

d) Trường hợp đặc biệt, Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định.

2. Thủ tục đề nghị thay thế thành viên Đoàn kiểm toán như sau:

a) Trường hợp thay thế Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, các thành viên Đoàn kiểm toán do Trưởng Đoàn kiểm toán đề nghị Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định;

b) Trường hợp thay thế Trưởng Đoàn kiểm toán do Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đề nghị Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Đoàn kiểm toán đề xuất Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định bổ sung thành viên Đoàn kiểm toán.

4. Thời gian thay thế, bổ sung thành viên Đoàn kiểm toán: chậm nhất sau 01 ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Đoàn kiểm toán có văn bản đề nghị Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có trách nhiệm xem xét, trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định thay thế, bổ sung thành viên Đoàn kiểm toán.

Điều 18. Tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ thành viên Đoàn kiểm toán

1. Thành viên Đoàn kiểm toán bị tạm đình chỉ trong các trường hợp sau đây:

- a) Có dấu hiệu vi phạm các quy định tại Điều 7 Quy chế này;
- b) Cố tình che giấu các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này;
- c) Có căn cứ tạm đình chỉ công tác quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định 148-QĐ/TW ngày 23/5/2024 của Bộ Chính trị về thẩm quyền của người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (*theo phụ lục đính kèm*).

2. Thẩm quyền tạm đình chỉ

a) Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Đoàn kiểm toán trong trường hợp Trưởng Đoàn kiểm toán là Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán;

b) Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán quyết định tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Đoàn kiểm toán (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này), Phó trưởng Đoàn kiểm toán và chịu trách nhiệm về quyết định tạm đình chỉ của mình;

c) Trưởng Đoàn kiểm toán quyết định tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ từ Tổ trưởng Tổ kiểm toán trở xuống (trừ trường hợp Phó trưởng Đoàn kiểm toán kiêm Tổ trưởng Tổ kiểm toán) và chịu trách nhiệm về quyết định tạm đình chỉ của mình;

d) Tổ trưởng Tổ kiểm toán đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán tạm đình chỉ thực hiện nhiệm vụ đối với thành viên Tổ kiểm toán.

3. Ngay sau khi ra quyết định tạm đình chỉ, Trưởng Đoàn kiểm toán phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và Tổng Kiểm toán nhà nước; Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán phải báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước về việc tạm đình chỉ. Quyết định tạm đình chỉ phải bằng văn bản, trong đó ghi rõ lý do, nội dung, thời gian tạm đình chỉ, đối tượng có trách nhiệm thực hiện.

4. Thời hạn tạm đình chỉ không quá 15 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 15 ngày làm việc. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng; thanh tra; kiểm tra; thi hành án.

5. Khi xét thấy quyết định tạm đình chỉ không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm thì người ra quyết định tạm đình chỉ phải ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

6. Thủ tục tạm đình chỉ thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN KIỂM TOÁN

Điều 19. Thay đổi nội dung quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán

1. Thay đổi nội dung quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán tổng quát của cuộc kiểm toán

a) Khi cần thay đổi mục tiêu, nội dung, phạm vi, địa điểm, thời hạn kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán, danh mục đầu mối kiểm toán trong quyết định kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán bằng văn bản đề trình Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định và chỉ thực hiện sau khi Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định. Việc thay đổi kế hoạch kiểm toán tổng quát của cuộc kiểm toán thực hiện theo Quy định trình tự lập, thẩm định, xét duyệt và ban hành kế hoạch kiểm toán tổng quát của cuộc kiểm toán;

b) Trường hợp cần thiết Trưởng Đoàn kiểm toán báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán điều chỉnh thời gian kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán do Tổ kiểm toán thực hiện mà không làm tăng, giảm thời gian kiểm toán của cuộc kiểm toán hoặc điều chuyển nhân sự giữa các Tổ kiểm toán trong Đoàn kiểm toán và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Sau khi quyết định điều chỉnh thời gian hoặc nhân sự Tổ kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có trách nhiệm báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước, thông báo tới Vụ Tổng hợp, Vụ Pháp chế, Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Thanh tra Kiểm toán nhà nước (đối với Đoàn kiểm toán có trong Kế hoạch thanh tra trong năm), Cục Công nghệ thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Thay đổi kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán

a) Tổ trưởng Tổ kiểm toán có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán theo Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước và chỉ đạo các thành viên Tổ kiểm toán thực hiện nhiệm vụ đúng kế hoạch kiểm toán chi tiết được Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt. Thời gian hoàn thành kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán chậm nhất sau 02 ngày từ khi triển khai kiểm toán tại đơn vị.

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, nếu có phát sinh thay đổi: Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải có tờ trình Trưởng Đoàn kiểm toán nêu rõ lý do thay đổi để Trưởng Đoàn kiểm toán xem xét phê duyệt (nếu thuộc thẩm quyền phân cấp của Trưởng Đoàn kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước) hoặc đề Trưởng Đoàn kiểm toán trình xin ý kiến của cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu thuộc thẩm quyền phân cấp của cấp trên theo quy định của Kiểm toán nhà nước). Sau khi các thay đổi của kế hoạch kiểm toán chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo phân cấp), Trưởng Đoàn kiểm toán phải gửi ngay cho Tổ trưởng Tổ kiểm toán để thực hiện, đồng thời gửi cho Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, thông báo tới Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Thanh tra

Kiểm toán nhà nước (đối với Đoàn kiểm toán có trong Kế hoạch thanh tra trong năm) và các tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Chậm nhất 01 ngày, kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm xem xét, phê duyệt. Trường hợp vì lý do khách quan Trưởng Đoàn kiểm toán không thể trực tiếp phê duyệt, Tổ trưởng Tổ kiểm toán báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán bằng các phương tiện thông tin và gửi ngay văn bản đề nghị Trưởng Đoàn kiểm toán phê duyệt. Trường hợp văn bản đề nghị thuộc danh mục bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

c) Các trường hợp thay đổi, bổ sung kế hoạch kiểm toán chi tiết phải phù hợp với mục tiêu, nội dung kiểm toán, đơn vị được kiểm toán đã được Tổng Kiểm toán nhà nước phê duyệt. Trưởng Đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm toán chi tiết của Tổ kiểm toán và phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán.

Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Các thành viên trong Tổ kiểm toán phải thường xuyên báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với Tổ trưởng Tổ kiểm toán.

2. Định kỳ 10 ngày (trừ trường hợp đột xuất), Tổ trưởng Tổ kiểm toán báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch, kết quả kiểm toán và các vấn đề khác có liên quan với Trưởng Đoàn kiểm toán. Trường hợp ngày báo cáo trùng ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ được nghỉ theo quy định) thì ngày báo cáo kết quả là ngày liền sau ngày quy định báo cáo.

3. Định kỳ 10 ngày, Trưởng Đoàn kiểm toán báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán về tiến độ thực hiện kế hoạch kiểm toán, tình hình và kết quả hoạt động kiểm toán của Đoàn kiểm toán. Trường hợp cần thiết, Trưởng Đoàn kiểm toán phải báo cáo trực tiếp Tổng Kiểm toán nhà nước, đồng thời báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán. Trường hợp ngày báo cáo trùng ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ được nghỉ theo quy định) thì ngày báo cáo kết quả là ngày liền sau ngày quy định báo cáo.

4. Khi phát hiện sai phạm trong Đoàn kiểm toán, các thành viên Đoàn kiểm toán có trách nhiệm báo cáo Tổ trưởng Tổ kiểm toán, trường hợp Tổ trưởng Tổ kiểm toán vi phạm thì báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán, trường hợp Trưởng Đoàn kiểm toán vi phạm thì báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán, trường hợp cần thiết, báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước để kiểm tra, xử lý.

5. Chậm nhất 02 ngày sau khi kế hoạch kiểm toán chi tiết được phê duyệt, những thay đổi kế hoạch kiểm toán chi tiết (nếu có), Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm gửi qua email (trường hợp tài liệu không bảo mật) về Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán, Thanh tra Kiểm toán nhà nước (đối với Đoàn kiểm toán có trong Kế hoạch thanh tra trong năm); đồng thời gửi bản cứng qua

văn thư để đảm bảo tính pháp lý khi lưu hồ sơ. Trường hợp thuộc bí mật nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Chế độ báo cáo đối với Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán ở nước ngoài do Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định tùy theo từng cuộc kiểm toán.

Điều 21. Chế độ nghỉ làm việc

1. Tổng số ngày nghỉ của mỗi thành viên Đoàn kiểm toán không quá 10% tổng thời gian tham gia Đoàn kiểm toán. Đồng thời, tổng số ngày nghỉ tại mỗi đơn vị được kiểm toán chi tiết của mỗi thành viên Tổ kiểm toán (bao gồm Phó trưởng Đoàn kiểm toán kiêm Tổ trưởng Tổ kiểm toán) không quá 10% tổng thời gian kiểm toán tại mỗi đơn vị. Trường hợp đặc biệt, Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét, quyết định.

2. Trưởng Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc từ 02 ngày trở lên phải báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán đồng thời ủy quyền cho 01 Phó trưởng Đoàn kiểm toán hoặc 01 Tổ trưởng Tổ kiểm toán (trong trường hợp Đoàn không có Phó trưởng Đoàn kiểm toán) quản lý và điều hành hoạt động của Đoàn kiểm toán.

3. Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán nghỉ làm việc từ 01 ngày trở lên phải báo cáo và phải được sự đồng ý của Trưởng Đoàn kiểm toán.

4. Thẩm quyền cho phép nghỉ như sau:

a) Tổ trưởng Tổ kiểm toán được phép cho mỗi thành viên Tổ kiểm toán nghỉ làm việc 1/2 ngày và chịu trách nhiệm với quyết định của mình;

b) Trưởng Đoàn kiểm toán được phép cho mỗi thành viên Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc 01 ngày và chịu trách nhiệm với quyết định của mình;

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán được phép cho mỗi thành viên Đoàn kiểm toán nghỉ làm việc từ 02 ngày trở lên hoặc 02 ngày liên tục và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

Điều 22. Chế độ họp, giao ban

1. Trước khi tiến hành kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán phải tổ chức họp Đoàn kiểm toán quán triệt quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán tổng quát của cuộc kiểm toán và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến hoạt động của Đoàn kiểm toán để tất cả các thành viên của Đoàn kiểm toán nắm vững mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phạm vi, thời hạn, phương pháp tiến hành kiểm toán và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến nội dung kiểm toán và đơn vị được kiểm toán; quán triệt Quy chế này và các quy định của Kiểm toán nhà nước có liên quan.

2. Trong quá trình triển khai kiểm toán tại đơn vị, tùy theo tình hình cụ thể, Trưởng Đoàn kiểm toán hoặc Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có thể triệu tập họp Đoàn kiểm toán, các Tổ trưởng Tổ kiểm toán khi xét thấy cần thiết.

3. Trước khi Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán xét duyệt dự thảo báo cáo kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán phải tổ chức họp Đoàn kiểm toán lấy

ý kiến tham gia của các thành viên Đoàn kiểm toán vào dự thảo báo cáo kiểm toán; rút kinh nghiệm, nhận xét, đánh giá Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán. Đồng thời gửi bản nhận xét, đánh giá cho các đơn vị có thành viên tham gia Đoàn kiểm toán để phục vụ công tác quản lý, đánh giá công chức, viên chức và bình xét thi đua hàng năm.

4. Nội dung các cuộc họp phải được ghi biên bản và lưu trữ theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 23. Chế độ ăn, ở, đi lại

1. Việc ăn, ở, đi lại của Đoàn kiểm toán phải thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước và quy định của Kiểm toán nhà nước.

2. Trưởng Đoàn kiểm toán chịu trách nhiệm bảo đảm điều kiện sinh hoạt và làm việc của Đoàn kiểm toán trong thời gian thực hiện nhiệm vụ kiểm toán.

3. Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Kiểm toán nhà nước để đảm bảo kinh phí, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác theo quy định của Kiểm toán nhà nước để Đoàn kiểm toán hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đối với Đoàn kiểm toán do nước ngoài tài trợ: chế độ ăn, ở, đi lại của Đoàn kiểm toán thực hiện theo chế độ quy định của Nhà nước, của Kiểm toán nhà nước và thỏa thuận với nhà tài trợ.

Điều 24. Trình tự xử lý vụ việc có dấu hiệu tham nhũng

Trong quá trình thực hiện hoạt động kiểm toán nếu phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng thì thực hiện theo Quy trình kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng của Tổng Kiểm toán nhà nước.

Điều 25. Bảo lưu ý kiến

1. Kiểm toán viên nhà nước bảo lưu ý kiến trước Tổ trưởng Tổ kiểm toán trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày Tổ kiểm toán tổ chức thảo luận về dự thảo biên bản kiểm toán.

2. Tổ trưởng Tổ kiểm toán bảo lưu ý kiến trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày Đoàn kiểm toán tổ chức thảo luận về dự thảo báo cáo kiểm toán.

3. Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán bảo lưu ý kiến trước Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trong thời hạn 01 ngày, kể từ ngày Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán xét duyệt dự thảo báo cáo kiểm toán hoặc bảo lưu ý kiến trước Tổng Kiểm toán nhà nước trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày Tổng Kiểm toán nhà nước xét duyệt dự thảo báo cáo kiểm toán.

4. Việc bảo lưu ý kiến phải được lập thành văn bản ghi rõ: nội dung ý kiến bảo lưu, cơ sở pháp lý và các bằng chứng làm cơ sở chứng minh cho ý kiến bảo lưu của mình; văn bản bảo lưu ý kiến phải ghi rõ ngày, tháng, năm và phải có chữ ký của người bảo lưu ý kiến. Văn bản bảo lưu ý kiến và văn bản giải quyết của người có thẩm quyền được lưu trữ trong hồ sơ kiểm toán.

5. Việc xem xét, giải quyết ý kiến bảo lưu thực hiện như sau:

a) Tổ trưởng Tổ kiểm toán có trách nhiệm xem xét, giải quyết ý kiến bảo lưu của Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến của Kiểm toán viên nhà nước.

Trường hợp không thống nhất với việc giải quyết của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán hoặc Tổng Kiểm toán nhà nước để giải quyết theo quy định tại các điểm b, c, d khoản này;

b) Trưởng Đoàn kiểm toán có trách nhiệm xem xét, giải quyết ý kiến bảo lưu của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến;

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán có trách nhiệm xem xét, giải quyết ý kiến bảo lưu của Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến;

d) Tổng Kiểm toán nhà nước có trách nhiệm xem xét, giải quyết ý kiến bảo lưu của Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản bảo lưu ý kiến. Ý kiến của Tổng Kiểm toán nhà nước là quyết định cuối cùng.

6. Trong khi chờ giải quyết ý kiến bảo lưu, người bảo lưu ý kiến vẫn phải chấp hành ý kiến chỉ đạo và kết luận của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và của Kiểm toán nhà nước.

Điều 26. Xử lý ý kiến giải trình của đơn vị được kiểm toán

Khi thảo luận với đơn vị được kiểm toán về kết quả kiểm toán nếu có ý kiến chưa thống nhất giữa Đoàn kiểm toán và đơn vị được kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán giữ nguyên ý kiến của mình và báo cáo với Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán xem xét quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; trường hợp chưa đủ cơ sở quyết định, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán nhà nước về ý kiến chưa thống nhất đó kèm theo văn bản giải trình của đơn vị được kiểm toán và ý kiến của Đoàn kiểm toán để xem xét, kết luận.

Điều 27. Niêm phong tài liệu, kiểm tra tài khoản

Việc niêm phong tài liệu, kiểm tra tài khoản được thực hiện theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 28. Trưng cầu giám định

Việc trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định về trưng cầu giám định chuyên môn của Kiểm toán nhà nước.

Điều 29. Kiểm tra, đối chiếu

Việc kiểm tra, đối chiếu với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động kiểm toán được thực hiện theo các quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 30. Nhật ký kiểm toán, nhật ký công tác

1. Nhật ký kiểm toán được Tổ trưởng Tổ kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán sử dụng ghi chép hàng ngày theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

2. Nhật ký công tác được Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán ghi chép trong những ngày có phát sinh công việc liên quan đến hoạt động của Đoàn kiểm toán.

3. Việc sử dụng ghi nhật ký kiểm toán, nhật ký công tác trên nhật ký kiểm toán điện tử theo Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác nhật ký kiểm toán điện tử của Kiểm toán nhà nước.

Điều 31. Trách nhiệm lập biên bản kiểm toán

1. Tổ trưởng Tổ kiểm toán chủ trì tổng hợp kết quả kiểm toán của các thành viên Tổ kiểm toán để lập biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán.

2. Chậm nhất 05 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải hoàn thành dự thảo biên bản kiểm toán, họp Tổ kiểm toán để thảo luận và thống nhất về đánh giá, xác nhận trong dự thảo biên bản kiểm toán, đồng thời trình Trưởng Đoàn kiểm toán duyệt trước khi tổ chức thông qua tại đơn vị được kiểm toán theo quy định. Thời gian thông qua biên bản kiểm toán do Tổ trưởng Tổ kiểm toán báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán quyết định nhưng không được quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán. Trường hợp đơn vị được kiểm toán thống nhất với nội dung dự thảo biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và không có ý kiến gì khác thì Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải báo cáo Trưởng Đoàn kiểm toán quyết định tổ chức hay không tổ chức họp thông qua dự thảo biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán.

3. Chậm nhất 03 ngày, từ khi thông qua kết quả kiểm toán với đơn vị được kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán phải gửi biên bản kiểm toán cho Trưởng Đoàn kiểm toán theo quy định.

4. Việc ký biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 32. Trách nhiệm lập và phát hành báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước

Việc lập và phát hành báo cáo kiểm toán, thông báo kết quả kiểm toán, thông báo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo quy định về trình tự lập, thẩm định, xét duyệt và phát hành báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước.

Điều 33. Trách nhiệm lập và quản lý hồ sơ kiểm toán

1. Tài liệu của mỗi cuộc kiểm toán phải được lập thành hồ sơ kiểm toán.
2. Trưởng Đoàn kiểm toán chủ trì lập hồ sơ kiểm toán và bàn giao đầy đủ hồ sơ kiểm toán cho bộ phận lưu trữ theo quy định của Kiểm toán nhà nước. Khi giao nhận phải lập bảng kê danh mục tài liệu và ký nhận bảo đảm an toàn tài liệu.
3. Việc lập, quản lý và khai thác hồ sơ kiểm toán được thực hiện theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước và theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Chương IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA ĐOÀN KIỂM TOÁN

Điều 34. Chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của Đoàn kiểm toán

1. Tổng Kiểm toán nhà nước chỉ đạo công tác kiểm toán và kiểm soát chất lượng, thanh tra, kiểm tra hoạt động của Đoàn kiểm toán.
2. Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện kiểm tra hoạt động của Đoàn kiểm toán, kiểm soát chất lượng kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước; chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, sai phạm của Đoàn kiểm toán.
3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán phải tuân thủ sự chỉ đạo của Tổng Kiểm toán nhà nước, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách, Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của Kiểm toán nhà nước. Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, các thành viên Đoàn kiểm toán chịu sự kiểm tra, giám sát, chỉ đạo của Trưởng Đoàn kiểm toán và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 35. Kiểm soát chất lượng kiểm toán trong Đoàn kiểm toán

Đoàn kiểm toán thực hiện kiểm soát chất lượng kiểm toán theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Điều 36. Các mối quan hệ có liên quan đến Đoàn kiểm toán

1. Trường hợp có 02 Đoàn kiểm toán trở lên tại một đơn vị được kiểm toán trong cùng một thời điểm, các Trưởng Đoàn kiểm toán thống nhất phương pháp phối hợp thực hiện kiểm toán tại đơn vị, trường hợp chưa thống nhất, các Trưởng Đoàn kiểm toán báo cáo Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán trình Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định (qua Vụ Tổng hợp). Việc trao đổi thông tin hoặc sử dụng lại thông tin giữa các Đoàn kiểm toán trên nguyên tắc đề cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ.
2. Mọi quan hệ giữa Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có thành viên tham gia Đoàn kiểm toán và Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc

kiểm toán là quan hệ phối hợp trong chỉ đạo chuyên môn và quản lý công chức, viên chức.

3. Mọi quan hệ giữa các Tổ trưởng Tổ kiểm toán trong cùng Đoàn kiểm toán thông qua Trưởng Đoàn kiểm toán.

4. Trong thời gian tham gia Đoàn kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau để hoàn thành nhiệm vụ và phải chấp hành sự chỉ đạo, điều hành, quản lý của Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán. Trường hợp có vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền thì báo cáo kịp thời với Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán và đề xuất các biện pháp xử lý.

5. Thành viên Đoàn kiểm toán có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của Kiểm toán nhà nước thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Kiểm toán nhà nước.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 37. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, các Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, Trưởng Đoàn kiểm toán, Phó trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, các thành viên Đoàn kiểm toán và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động của Đoàn kiểm toán có trách nhiệm tổ chức, thực hiện Quy chế này; trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh mới hoặc có khó khăn, vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Vụ Pháp chế để tổng hợp, báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước.

2. Vụ Pháp chế phối hợp với các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước có liên quan theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này và định kỳ tổng hợp, báo cáo Tổng Kiểm toán nhà nước xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TRÍCH DẪN

**ĐIỀU 4, ĐIỀU 5 QUY ĐỊNH SỐ 148-QĐ/TW NGÀY 23/5/2024 CỦA BỘ
CHÍNH TRỊ VỀ THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC
TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI TRONG
TRƯỜNG HỢP CẦN THIẾT HOẶC KHI CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM
NGHIÊM TRỌNG QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số 1495/QĐ-KTNN ngày 20/8/2024 của
Tổng Kiểm toán nhà nước)*

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết (Điều 4)

1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.
2. Cán bộ cố tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.
4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.
5. Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng (Điều 5)

1. Cán bộ bị khởi tố để phục vụ công tác điều tra.
2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.